

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TUY HOÀ  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2017/DSST

Ngày: 10/5/2017

Về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HOÀ, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Trúc Lâm;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Trọng Khá;
2. Bà Trần Thị Ngọc Điềm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thanh Nguyệt – Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà.

Vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 10 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2017/DSST ngày 13/3/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2017/QĐXX-ST ngày 24/4/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Thị Thu H, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn Tân Thành, xã Suối Bạc, huyện Sơn Hòa, Phú Yên. Nghề nghiệp: Giáo viên. *Có mặt tại phiên tòa.*

2. *Bị đơn:* Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Khu phố Ninh Tĩnh 6, phường 9, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: Làm thuê. *Có mặt tại phiên tòa.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:** Vì có mối quan hệ quen biết từ trước nên ngày 11/8/2016, tôi có cho chị Nguyễn Thị Minh T vay tiền để làm ăn, thoả thuận lãi là 9%/tháng, giữa hai bên có viết giấy nhận nợ. Từ lúc vay đến nay, chị Minh T chây ì không chịu trả, chỉ mới trả 4.500.000đ tiền lãi tháng 8/2016. Vì vậy, tôi đề nghị Toà án buộc bị đơn phải trả cho tôi số tiền gốc là 50.000.000 đồng, và tiền lãi từ tháng 9/2016 cho đến ngày Toà án giải quyết theo mức lãi suất theo quy định của nhà nước và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ.

**Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn trình bày:** Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn, ngày 11/8/2016, tôi có vay của chị H số tiền 50.000.000đ để làm ăn, giữa hai bên có viết giấy nhận nợ. Tôi đã trả cho chị H hai lần là 9.000.000đ tiền lãi (không ghi giấy tờ) và còn nợ lại số tiền gốc là 50.000.000 đồng. Với số tiền còn nợ tôi đồng ý trả cho chị H đồng thời tôi đồng ý trả lãi theo lãi suất quy định của nhà nước. Tuy nhiên, vì điều

kiện kinh tế khó khăn, tôi xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi trả xong nợ. Đồng thời yêu cầu Tòa xem xét khấu trừ phần tiền lãi tôi đã trả vượt so với quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Hai bên có tranh chấp về hợp đồng vay tài sản; bị đơn có nơi cư trú tại: Khu phố Ninh Tĩnh 6, phường 9, Tp. Tuy Hoà, Phú Yên, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Tuy Hoà.

### **[2] Về chứng cứ và pháp luật áp dụng:**

Quá trình giải quyết vụ án, bà H xuất trình được giấy vay tiền đề ngày 11/8/2016 như đã trình bày, chứng minh bà Nguyễn Thị Minh T có vay số tiền 50.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận: “khi nào bà Hà lấy lại tiền gốc thì phải báo trước 20 ngày”, lãi suất là 9%/ tháng. Bà T thừa nhận có vay tiền 50.000.000 đồng của bà H.

Như vậy giao dịch đang được thực hiện của hai bên là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi, theo quy định tại khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về việc xử lý lãi suất thỏa thuận vượt quá quy định pháp luật khác với Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên theo quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 về “Điều khoản chuyển tiếp”, cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

**[3] Về số tiền lãi đã trả:** Bà T cho rằng đã trả được 2 tháng, tương ứng 9.000.000 đồng nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc trả lãi; trong khi đó bà H chỉ thừa nhận đã lấy lãi của bà T vào tháng đầu tiên, sau khi vay là 4.500.000 đồng. Do vậy, có căn cứ để xác định bà T đã trả 4.500.000 đồng tiền lãi.

Xét thấy số tiền lãi 4.500.000 mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn theo lãi suất 9%/tháng là vượt quá 150% lãi suất do Ngân hàng Nhà nước công bố, theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 nên cần đối trừ số tiền trả lãi vượt này vào số tiền gốc mà bị đơn còn nợ. Cụ thể tiền lãi từ ngày 11/8/2016 đến 11/9/2016 như sau:

$50.000.000 \text{ đồng} \times 9\% / \text{năm} \times 150\% \times 01 \text{ tháng} = 562.500 \text{ đồng.}$

Số tiền lãi bà T trả cho bà H vượt là:  $4.500.000 \text{ đ} - 562.500 \text{ đ} = 3.937.500 \text{ đồng.}$  Kể từ ngày 12/9/2017, số nợ gốc của T còn lại là:  $50.000.000 \text{ đ} - 3.937.500 \text{ đ} = 46.062.500 \text{ đồng.}$

Số tiền lãi bà T phải tiếp tục trả cho bà H kể từ ngày 12/9/2016 đến ngày xét xử là:  $46.062.500 \text{ đồng} \times 9\% / \text{năm} \times 150\% \times 07 \text{ tháng} 29 \text{ ngày} = 4.128.350 \text{ đồng.}$

Tổng cộng gốc và lãi là: 50.190.850 đồng.

Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T phải trả số tiền gốc và lãi nói trên cho bà H.

**[4] Về án phí:** Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

**Áp dụng:** Các Điều 471; 474; 476; khoản 2 Điều 477; Điều 305 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lê Thị Thu H, buộc bị đơn Nguyễn Thị Minh T phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 46.062.500 đồng, lãi 4.128.350 đồng. Tổng cộng **50.190.850 đồng**.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chưa thi hành xong số tiền nói trên thì phải trả lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

**Về án phí DSST:** Bị đơn Nguyễn Thị Minh T phải chịu 2.509.542 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn Lê Thị Thu H số tiền 1.250.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0004631 ngày 10/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà.

Nguyên đơn và bị đơn có mặt được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hoà có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên có quyền kháng nghị bản án trong hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án.

**\* Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS TP Tuy Hoà;
- VKSND TP Tuy Hoà;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Trúc Lâm**

